

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 407/2011/QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chế độ thông tin báo cáo  
công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 04/8/2007;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/10/2010;

Căn cứ Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29/11/2005;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 266/TTr-TTr ngày 12/10/2011 và sau khi thống nhất với Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ thông tin báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Chế độ thông tin báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 407/2011/QĐ-UBND  
ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chế độ thông tin báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh; các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng**

1. Báo cáo định kỳ gồm: Báo cáo tháng, báo cáo quý I, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng và báo cáo năm, được thực hiện như sau

##### a) Thời điểm báo cáo:

Báo cáo tháng: Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trong kỳ từ ngày 16 tháng trước đến hết ngày 15 của tháng báo cáo. Báo cáo đủ 12 tháng trong năm. Thời gian gửi chậm nhất vào ngày 18 của tháng báo cáo.

Báo cáo quý I: Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến hết ngày 15 tháng 3 hàng năm, thời gian gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 18 tháng 3 hàng năm.

Báo cáo 6 tháng: Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến hết ngày 15 tháng 6 hàng năm, thời gian gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 18 tháng 6 hàng năm.

Báo cáo 9 tháng: Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến hết ngày 15 tháng 9 hàng năm, thời gian gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 18 tháng 9 hàng năm.

Báo cáo năm: Từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến hết ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo, thời gian gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hàng năm.

b) Nội dung báo cáo:

Báo cáo hàng tháng: Báo cáo theo mẫu (Phụ lục số 01). Riêng đối với báo cáo tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 không phải ký tên, đóng dấu mà đính kèm theo báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.

Báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm: Báo cáo theo mẫu (Phụ lục số 02) và thống kê số liệu theo mẫu (Phụ lục số 03).

2. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng phục vụ các kỳ họp Quốc hội: Thực hiện theo yêu cầu của Quốc hội, hướng dẫn của Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Thanh tra Chính phủ.

3. Các báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh.

4. Các báo cáo khác về công tác phòng, chống tham nhũng: do cơ quan, đơn vị và UBND huyện, thành phố chủ động báo cáo.

#### **Điều 4. Thẩm quyền ký báo cáo**

1. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố có trách nhiệm ký báo cáo gửi UBND tỉnh; hoặc có thể ủy nhiệm cho cấp phó ký thay nhưng phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo gửi UBND tỉnh.

2. Đối với báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng hàng tháng: Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố có thể ủy quyền cho Chánh Thanh tra cùng cấp ký thừa lệnh và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

3. Các loại báo cáo khác không được ủy quyền cho Chánh Thanh tra ký.

#### **Điều 5. Cơ quan tham mưu chuẩn bị báo cáo**

1. Thanh tra huyện, thành phố; Thanh tra Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh làm đầu mối giúp Chủ tịch UBND huyện, thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chuẩn bị các báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác phòng, chống tham nhũng của địa phương, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị không có tổ chức thanh tra thì chủ động phân công tổ chức trực thuộc tham mưu chuẩn bị báo cáo.

#### **Điều 6. Hình thức gửi báo cáo, nơi nhận báo cáo**

Báo cáo gửi về UBND tỉnh (*qua Thanh tra tỉnh*) và Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh (*qua Văn phòng Ban Chỉ đạo*) bằng văn bản hành chính; đồng thời

gửi dữ liệu điện tử (*bản quét, có số hiệu văn bản, chữ ký, dấu*) qua hộp thư điện tử Thanh tra tỉnh: [thanhtra@bacgiang.gov.vn](mailto:thanhtra@bacgiang.gov.vn) và Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh: [bcdpctn\\_vt@bacgiang.gov.vn](mailto:bcdpctn_vt@bacgiang.gov.vn). Các báo cáo mật được gửi theo quy định đối với tài liệu mật.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố và các đơn vị liên quan**

1. Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh:

Tổng hợp kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo và kết quả công tác điều tra, truy tố, xét xử của Công an tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, Tòa án Nhân dân tỉnh đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn, kết quả gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp báo cáo chung về công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn.

2. Thanh tra tỉnh:

a) Giúp UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện chế độ thông tin báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh theo Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tỉnh và các Sở, cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND huyện, thành phố giúp UBND tỉnh chuẩn bị báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

3. Các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng theo Quy định này.

#### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) để được xem xét, giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**

**PHỤ LỤC SỐ 01****MẪU BÁO CÁO THÁNG***(Kèm theo Quyết định số 407/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh)***TÊN CƠ QUAN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC - ....

**BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Tháng ..... năm .....

**I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC PCTN**

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THÁNG		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
		Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số đối tượng	
<b>A</b>	<b>PHÁT HIỆN THAM NHŨNG</b>					
1	Phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ					
2	Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan Thanh tra					
3	Phát hiện qua công tác kiểm tra của Đảng					
4	Phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo					
5	Phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử					
6	Phát hiện qua công tác khác					
<b>B</b>	<b>XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>					
1	Khởi tố điều tra án tham nhũng					
2	Xét xử án tham nhũng					
3	Xử lý hành chính hành vi tham nhũng					
4	Xử lý kỷ luật đảng về hành vi tham nhũng					

**II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG THÁNG**

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHŨNG, MỨC ĐỘ THIỆT HẠI VÀ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ
1/				
2/				
...				

**III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC PCTN TRONG THÁNG TIẾP THEO (Liệt kê các nhiệm vụ chính sẽ thực hiện trong tháng sau)**

1/...

2/...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Đối với báo cáo tháng 3, 6, 9, 12 thì không lập thành văn bản báo cáo riêng mà đưa thành phụ lục kèm theo Báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng, cả năm và đóng dấu treo (không ký, đóng dấu như các báo cáo tháng khác).

Trong trường hợp các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố uỷ quyền cho cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp ký các báo cáo tháng về công tác PCTN thì vẫn có thể lập riêng các báo cáo tháng nêu trên.

- Tiêu chí 1,2 Mục B, phần I thống kê theo kết quả khởi tố, xét xử sơ thẩm của cơ quan tố tụng cấp tỉnh + huyện.

**PHỤ LỤC SỐ 02****ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO****Công tác phòng, chống tham nhũng quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm***(Kèm theo Quyết định số 407/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh)***I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG****1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của địa phương, đơn vị**

- Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về PCTN (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

**2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

- Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

- Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng;

- Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp;

- Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

- Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập;

- Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

- Việc thực hiện cải cách hành chính;

- Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản;

- Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có).

### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng**

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, đơn vị;
- Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;
- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương, đơn vị;
- Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

### **4. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng**

- Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hoá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong Chiến lược quốc gia và Kế hoạch thực thi Công ước.
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà địa phương, đơn vị đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

### **5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN**

- Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;
- Những kết quả, đóng góp của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;
- Các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng (nếu có).

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

### **1. Đánh giá tình hình tham nhũng**

- Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của địa phương, đơn vị;
- So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

### **2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng**

- Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, đơn vị;
- So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với cùng kỳ năm trước;
- Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN;



- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

+ Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại địa phương, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng;

+ Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

**3. Dự báo tình hình tham nhũng** (Chỉ dự báo đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm):

- Dự báo hiệu quả tác động của các giải pháp đang thực hiện và diễn biến tình hình tham nhũng (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất vi phạm...*).

- Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và đấu tranh.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA KỲ TIẾP THEO.**

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

*(Kỳ tiếp theo được hiểu như sau: Đối với Báo cáo Quý I là Quý II; đối với báo cáo 6 tháng là 6 tháng cuối năm, đối với báo cáo 9 tháng là Quý IV, đối với báo cáo năm là năm sau).*

### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về PCTN (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

**PHỤ LỤC SỐ 03****BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC PCTN QUÝ, 6 THÁNG,  
9 THÁNG, NĂM***(Kèm theo Quyết định số 407/2011/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh)***THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU  
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG .....***(Kèm theo Báo cáo số /BC... ngày / / của ...)*

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	<b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	

11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<b>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</b>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	<b>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</b>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</b>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	<b>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</b>		

27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHỮNG</b>		
	<b><i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i></b>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<b><i>Qua hoạt động thanh tra</i></b>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	<b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i></b>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<b>XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHỮNG</b>		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử ( <i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i> )	Vụ	
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng ( <i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i> )	Người	
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	

43	+ Số đối tượng phạm tội tham những rất nghiêm trọng;	Người	
44	+ Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng	Người	
45	Số vụ việc tham những đã được xử lý hành chính	Vụ	
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham những	Người	
47	Số vụ việc tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
48	Số đối tượng tham những đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<b>Tài sản bị tham những, gây thiệt hại do tham những đã phát hiện được.</b>		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m <sup>2</sup>	
	<b>Tài sản tham những, gây thiệt hại do tham những đã được thu hồi, bồi thường</b>		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
52	+ Đất đai	m <sup>2</sup>	
	<b>Tài sản tham những, gây thiệt hại do tham những không thể thu hồi, khắc phục được</b>		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m <sup>2</sup>	

Ghi chú: - Lưu ý khi báo cáo không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.